

V/v triển khai thực hiện các chỉ tiêu về
cải cách thủ tục hành chính theo Nghị
quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023
của Chính phủ

Kính gửi: Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở.

Thực hiện nội dung về cải cách thủ tục hành chính (TTHC) tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 và Kế hoạch số 184/KH-UBND ngày 30/11/2022 về việc thực hiện Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách TTHC và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp; Công văn số 5064/UBND-TTHC ngày 06/10/2022 về việc khẩn trương thực hiện một số chỉ tiêu về cải cách TTHC và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp và Công văn số 554/UBND-TTHC ngày 17/02/2023 về việc sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên địa bàn tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu các phòng, đơn vị trực thuộc Sở theo chức năng nhiệm vụ được giao thực hiện một số nội dung cụ thể sau:

1. Trưởng phòng, trưởng các đơn vị có TTHC nghiêm túc chỉ đạo thực hiện rà soát, bổ sung và đề xuất TTHC tại *phụ lục kèm theo* để đảm bảo đạt tỷ lệ theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 (*tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia là 40% và TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính là 60%*), cụ thể:

- TTHC đủ điều kiện đưa lên dịch vụ công trực tuyến toàn trình.
- TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính để cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến.
- Lựa chọn đề xuất thí điểm các thủ tục đủ điều kiện để thực hiện thí điểm **tiếp nhận và trả kết quả** hoàn toàn bằng hình thức trực tuyến.

Gửi kết quả rà soát, đề xuất về Văn phòng Sở (*gửi qua email: huonglieu0212@gmail.com*) để tổng hợp, tham mưu Giám đốc Sở xem xét, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; **hoàn thành trước ngày 18/3/2023.**

2. Triển khai thực hiện các nội dung về sử dụng dịch vụ công trực tuyến

a) Các phòng, đơn vị có TTHC:

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn đa dạng, ngắn gọn, dễ hiểu đối với các thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến thuộc các lĩnh vực của ngành tài nguyên và môi trường; bằng các hình thức tuyên truyền trực tiếp, trực quan, đơn giản; sử dụng các phương thức truyền thông đa phương tiện, hiện đại qua mạng xã hội, kênh giao tiếp... để tuyên truyền, hướng dẫn và vận động tổ chức, cá nhân hiểu rõ hơn về lợi ích, sự tiện lợi của việc sử dụng và nộp hồ sơ trực tuyến,

thanh toán trực tuyến; phần đấu đạt tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến, thanh toán trực tuyến **tối thiểu tăng 10%** so với năm 2022.

- Đối với hồ sơ TTHC được nộp trực tuyến trên môi trường điện tử, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện kiểm tra, hướng dẫn và thông báo tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ cho cá nhân, tổ chức **không muộn hơn tám giờ làm việc** kể từ khi hệ thống tiếp nhận theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ, khoản 2 Điều 11 Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh và các quy định có liên quan.

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đã được Giám đốc Sở giao tại Công văn 6379/STNMT-VP ngày 08/12/2022 về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 184/KH-UBND ngày 30/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ đảm bảo hoàn thành theo đúng thời gian quy định; báo cáo cụ thể số nhiệm vụ đã hoàn thành trên tổng số nhiệm vụ được giao tại văn bản số 6379/STNMT-VP ngày 08/12/2022 (*lồng ghép vào báo cáo định kỳ và đột xuất về công tác kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông*).

- Phân công cụ thể công chức, viên chức, người lao động chịu trách nhiệm thực hiện việc rà soát các TTHC theo từng lĩnh vực mà phòng, đơn vị mình quản lý đảm bảo các TTHC đã được cập nhật trên trang <https://dichvucong.quangngai.gov.vn> phải đầy đủ, đúng số lượng, nội dung, căn cứ pháp lý còn hiệu lực; phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin để cập nhật nội dung trên Cổng/Trang thông tin điện tử của Sở đảm bảo các yêu cầu:

+ Thống nhất số lượng, nội dung giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với Cổng/Trang thông tin điện tử của Sở.

+ Rà soát và gửi danh mục các thủ tục hành chính (được công bố bãi bỏ, có nội dung và căn cứ pháp lý hết hiệu lực thi hành; tên thủ tục hành chính gán không đúng mã số với công khai tại Cổng dịch vụ quốc gia (dichvucong.gov.vn); thủ tục hành chính có mã thủ tục hành chính chưa gán mã đơn vị tỉnh (ví dụ: SGTVT011, NCNX001, BQL0921028) về Văn phòng Sở để phối hợp với cơ quan liên quan chuẩn hóa lại trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; **hoàn thành trước ngày 20/3/2023**.

Lưu ý: Nội dung này Giám đốc Sở chỉ đạo thực hiện tại điểm 3, công văn số 825/STNMT-VP ngày 28/02/2023. Tuy nhiên, hiện nay có 04 lĩnh vực: môi trường, đo đạc, tài nguyên nước, biển và hải đảo đã thực hiện rà soát, cập nhật và hoàn thiện chuẩn hoá các TTHC; các lĩnh vực: khoáng sản (chưa có báo cáo), đất đai (có văn bản báo cáo được đính kèm) đến nay vẫn chưa thực hiện chuẩn hoá các TTHC theo đúng yêu cầu tại công văn nêu trên.

b) Giao Trung tâm Công nghệ thông tin thực hiện các nội dung:

- Thực hiện và kiểm tra lại các đường liên kết để đảm bảo gắn liên kết đến đúng mục công khai thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (<https://dichvucong.quangngai.gov.vn>).

- Công khai “Thông báo tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính” yêu cầu thực hiện theo đúng quy định và đã được Văn phòng UBND tỉnh hướng dẫn tại Khoản 4 Công văn số 679/VP-TTHC ngày 28/4/2022.

- Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ được tiếp nhận tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thì mở mục công khai trên Cổng/Trang thông tin điện tử để dẫn liên kết đến tab công khai “Tra cứu hồ sơ”, “Thông báo” trên Hệ thống (*gồm: Tra cứu tình trạng hồ sơ; thông báo trả hồ sơ, không giải quyết; thông báo bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ; thông báo xin lỗi hồ sơ trễ hạn; thông báo hồ sơ đã giải quyết xong*).

c) Văn phòng Sở triển khai nhiệm vụ cụ thể Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021, Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 14/10/2021 của UBND tỉnh **trước ngày 30/3/2023**.

Đây là nội dung thực hiện công tác cải cách hành chính của Sở, yêu cầu trưởng các phòng, đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, VP_{liều}.

Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Trung

DỰ THẢO

Phụ lục I

Danh mục Dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Công văn số /UBND-TTHC ngày /03/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Ghi chú:

- Dự thảo Danh mục dịch vụ trực tuyến này đã được tổng hợp theo Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh (**dòng bôi đen**) và ý kiến đề xuất bổ sung của các sở, ban ngành khi thực hiện nhiệm vụ được tại Công văn số 5064/UBND-TTHC ngày 06/10/2022 (**dòng bôi đỏ**).

- Các phòng, đơn vị có TTHC rà soát, bổ sung và có thể đề xuất nâng mức DVCTT từ một phần lên toàn trình đảm bảo đạt tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình là 40% trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ giao.

- Đánh dấu X vào các TTHC có nghĩa vụ tài chính (Phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền) của phòng, đơn vị mình.

- Đánh dấu X khi đề xuất các TTHC thí điểm thực hiện hoàn toàn bằng hình thức trực tuyến; việc rà soát, lựa chọn thí điểm các TTHC phải phù hợp, đảm bảo tính khả thi, thực chất và hiệu quả khi triển khai chỉ tiếp nhận qua trực tuyến tại cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo các tiêu chí: **(1) Thủ tục đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình đã áp dụng nộp phí, lệ phí trực tuyến; (2) Có thành phần hồ sơ đơn giản, dễ số hóa, thuận tiện cho việc nộp và tiếp nhận hồ sơ; (3) Đã áp dụng ký số trong quy trình giải quyết và ký số trả kết quả giải quyết; (4) Đối tượng thực hiện TTHC là nhóm công dân có khả năng ứng dụng thông tin cơ bản.**

- Phần mềm tiếp nhận: Ghi tất cả phần mềm tiếp nhận DVCTT của Bộ, ngành và địa phương.

I. DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Stt	Mã TTHC	Tên dịch vụ hành chính công	Mức độ DVCTT	Nghĩa vụ tài chính (Phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền)		Thí điểm hoàn toàn bằng trực tuyến		Phần mềm tiếp nhận
				Có	Không	Có	Không	
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG								
1. Lĩnh vực môi trường								
1	1.010728.000.00.00.H48	Cấp đổi giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)	Toàn trình					
2	1.010729.000.00.00.H48	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)	Toàn trình					
3	1.010727.000.00.00.H48	Cấp giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)	Một phần					
4	1.010733.000.00.00.H48	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Cấp tỉnh)	Một phần					
5	1.010730.000.00.00.H48	Cấp lại giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)	Một phần					
6	1.008675.000.00.00.H48	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	Một phần					
7	1.008682.000.00.00.H48	Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh	Một					

Stt	Mã TTHC	Tên dịch vụ hành chính công	Mức độ DVCTT	Nghĩa vụ tài chính (Phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền)		Thí điểm hoàn toàn bằng trực tuyến		Phần mềm tiếp nhận
				Có	Không	Có	Không	
		học	phần					
8	1.010735.000.00.00.H48	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (Cấp tỉnh)	Một phần					
2. Lĩnh vực tài nguyên nước								
9	1.004223.000.00.00.H48	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Một phần					
10	1.004179.000.00.00.H48	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ /ngày đêm	Một phần					
11	1.004152.000.00.00.H48	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	Một phần					

Stt	Mã TTHC	Tên dịch vụ hành chính công	Mức độ DVCTT	Nghĩa vụ tài chính (Phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền)		Thí điểm hoàn toàn bằng trực tuyến		Phần mềm tiếp nhận
				Có	Không	Có	Không	
12	1.004232.000.00.00.H48	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm (cấp tỉnh)	Một phần					
13	2.001850.000.00.00.H48	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi (TTHC cấp tỉnh)	Toàn trình					
14	1.004122.000.00.00.H48	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Toàn trình	X				
3. Lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý								
15	1.000049.000.00.00.H48	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	Một phần					
4. Lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm (đối với tổ chức)								
16	1.000655.000.00.00.H48	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Một phần					
17	1.001696.000.00.00.H48	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở	Một phần					
18	2.000801.000.00.00.H48	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Một phần					

Stt	Mã TTHC	Tên dịch vụ hành chính công	Mức độ DVCTT	Nghĩa vụ tài chính (Phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền)		Thí điểm hoàn toàn bằng trực tuyến		Phần mềm tiếp nhận
				Có	Không	Có	Không	
19	1.003046.000.00.00.H48	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký	Một phần					
20	1.003625.000.00.00.H48	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký	Một phần					
21	1.003688.000.00.00.H48	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu	Một phần					
22	1.003862.000.00.00.H48	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận	Một phần					
23	1.004550.000.00.00.H48	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai	Một phần					
24	1.004583.000.00.00.H48	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Một phần					
5. Lĩnh vực đất đai								
25	1.004227.000.00.00.H48	Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được	Toàn					

Stt	Mã TTHC	Tên dịch vụ hành chính công	Mức độ DVCTT	Nghĩa vụ tài chính (Phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền)		Thí điểm hoàn toàn bằng trực tuyến		Phần mềm tiếp nhận
				Có	Không	Có	Không	
		cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	trình					
26	1.010200.000.00.00.H48	Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	Một phần					
27	1.003010.000.00.00.H48	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyên mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (Đối với dự án đầu tư đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư hoặc Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì không phải thực hiện thủ tục thẩm định này. Đối	Một phần					

Stt	Mã TTHC	Tên dịch vụ hành chính công	Mức độ DVCTT	Nghĩa vụ tài chính (Phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền)		Thí điểm hoàn toàn bằng trực tuyến		Phần mềm tiếp nhận
				Có	Không	Có	Không	
		với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ thẩm định trong thời gian thực hiện Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để lập Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đồng thời, chủ đầu tư được tiến hành khảo sát, đo đạc để lập dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng. Thời điểm thẩm định nhu cầu sử dụng đất xin giao đất, cho thuê đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư: khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc chấp thuận đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng. Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện dự án đầu tư mà phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thủ tục này chỉ thực hiện sau khi Thủ tướng Chính phủ có văn bản chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có Nghị quyết về việc chuyển mục đích sử dụng đất.)						

Stt	Mã TTHC	Tên dịch vụ hành chính công	Mức độ DVCTT	Nghĩa vụ tài chính (Phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền)		Thí điểm hoàn toàn bằng trực tuyến		Phần mềm tiếp nhận
				Có	Không	Có	Không	
28	1.002253.000.00.00.H48	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao. (Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất trong thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt mà không phải chờ đến khi hoàn thành việc giải phóng mặt bằng.)	Một phần					
29	1.002040.000.00.00.H48	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (Đối với	Một phần					

Stt	Mã TTHC	Tên dịch vụ hành chính công	Mức độ DVCTT	Nghĩa vụ tài chính (Phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền)		Thí điểm hoàn toàn bằng trực tuyến		Phần mềm tiếp nhận
				Có	Không	Có	Không	
		trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất trong thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt mà không phải chờ đến khi hoàn thành việc giải phóng mặt bằng)						
30	1.005194.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	Một phần					
31	1.005398.000.00.00.H48	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Một phần					
32	2.001938.000.00.00.H48	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	Một phần					
33	2.000983.000.00.00.H48	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Một phần					
34	1.003003.000.00.00.H48	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	Một phần					

Stt	Mã TTHC	Tên dịch vụ hành chính công	Mức độ DVCTT	Nghĩa vụ tài chính (Phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền)		Thí điểm hoàn toàn bằng trực tuyến		Phần mềm tiếp nhận
				Có	Không	Có	Không	
35	1.002255.000.00.00.H48	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	Một phần					
36	2.000889.000.00.00.H48	Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	Một phần	X				
37	1.004238.000.00.00.H48	Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Một phần	X				
38	1.002082.000.00.00.H48	Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê	Một phần	X				

Stt	Mã TTHC	Tên dịch vụ hành chính công	Mức độ DVCTT	Nghĩa vụ tài chính (Phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền)		Thí điểm hoàn toàn bằng trực tuyến		Phần mềm tiếp nhận
				Có	Không	Có	Không	
		biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp						
39	1.001134.000.00.00.H48	Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	Một phần	X				
40	1.004177.000.00.00.H48	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đất cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	Một phần	X				
41	1.001991.000.00.00.H48	Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Một phần	X				
6. Lĩnh vực Biển và hải đảo								
42	1.005401.000.00.00.H48	Giao khu vực biển (cấp tỉnh)	Một phần					

Stt	Mã TTHC	Tên dịch vụ hành chính công	Mức độ DVCTT	Nghĩa vụ tài chính (Phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền)		Thí điểm hoàn toàn bằng trực tuyến		Phần mềm tiếp nhận
				Có	Không	Có	Không	
7. Lĩnh vực Khoáng sản								
43	1.000778.000.00.00.H48	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	Một phần	X				
44	1.004481.000.00.00.H48	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	Một phần	X				
45	2.001783.000.00.00.H48	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	Một phần	X				
46	1.004345.000.00.00.H48	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	Một phần	X				
47	1.004446.000.00.00.H48	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (cấp tỉnh)	Một phần	X				
48	2.001787.000.00.00.H48	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	Một phần	X				